

Số: /HD-SoNNMT

Đồng Nai, ngày tháng 8 năm 2025

**HƯỚNG DẪN**  
**Lập hồ sơ sản phẩm tham gia đánh giá phân hạng**  
**sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Đồng Nai**

Căn cứ Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm;

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 06/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm;

Căn cứ Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc kiện toàn Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-HĐ ngày 17/7/2025 của Chủ tịch Hội đồng OCOP về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng và Tổ tư vấn giúp việc đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) cấp tỉnh; Quyết định số 05/QĐ-HĐ ngày 17/7/2025 về kiện toàn Tổ tư vấn giúp việc Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) cấp tỉnh;

Nhằm đảm bảo hồ sơ sản phẩm tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP được đồng bộ, đúng quy định; trên cơ sở ý kiến góp ý của Thành viên Hội đồng và Thành viên Tổ tư vấn giúp việc OCOP cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường – Cơ quan thường trực Hội đồng đánh giá OCOP tỉnh ban hành “Hướng dẫn hồ sơ sản phẩm tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP tỉnh Đồng Nai” với các nội dung sau:

**I. HỒ SƠ SẢN PHẨM THAM GIA ĐÁNH GIÁ LẦN ĐẦU**

**1. Điều kiện**

a) Chủ thể đăng ký tham gia: Các HTX, tổ hợp tác, doanh nghiệp, trang trại và hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh. Đối với nhóm sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch ngoài các đối tượng trên có thể bao gồm các Hội/Hiệp hội, Trung tâm điều hành hoặc tổ chức tương đương.

b) Sản phẩm tham gia: bao gồm các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ du lịch có nguồn gốc địa phương, có đặc trưng về giá trị văn hóa, lợi thế của địa phương; đặc biệt là các sản phẩm đặc sản vùng miền, sản phẩm làng nghề, dịch vụ du lịch

dựa trên các thế mạnh, lợi thế về điều kiện tự nhiên, nguồn nguyên liệu, tri thức và văn hóa bản địa và sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

c) Hồ sơ sản phẩm bị loại khi

- Sản phẩm giả mạo hồ sơ hoặc không tuân thủ đầy đủ các quy định về giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (hoặc tương đương); hoặc Hồ sơ tự công bố sản phẩm, ghi nhãn sản phẩm không đúng theo quy định; hoặc không đáp ứng Hồ sơ theo quy định.

- Sản phẩm sử dụng toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu hoặc nguyên liệu không rõ nguồn gốc.

## 2. Hồ sơ tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP

a) Thành phần hồ sơ

- Phiếu đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP (*Phụ lục 1*);

- Báo cáo của chủ thể đánh giá về sản phẩm theo Bộ tiêu chí (*Phụ lục 2*);

- Báo cáo đánh giá của Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã về một số chỉ tiêu (*Phụ lục 3*). **Lưu ý:** Mỗi sản phẩm tham gia đánh giá kèm theo 01 báo cáo đánh giá của UBND cấp xã; trường hợp 01 chủ thể có nhiều sản phẩm tham gia đánh giá thực hiện 01 báo cáo đánh giá, tuy nhiên từng sản phẩm cần có đánh giá riêng các nội dung về nguồn nguyên liệu, ý tưởng sản phẩm, bản sắc, trí tuệ địa phương;

- Hồ sơ minh chứng theo tiêu chí sản phẩm OCOP;

- Mẫu sản phẩm tham gia đánh giá: tối thiểu 05 sản phẩm; Đối với sản phẩm tham gia đánh giá thuộc “Sản phẩm Sinh vật cảnh”, “Sản phẩm Dịch vụ Du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch” sẽ đánh giá thực tế.

b) Hình thức hồ sơ

- 01 bộ hồ sơ giấy.

- 01 file điện tử: chủ thể trực tiếp scan hồ sơ tham gia đánh giá (*Lưu ý: các file cần scan riêng lẻ, có danh mục kèm theo hồ sơ minh chứng các tiêu chí theo Bộ tiêu chí sản phẩm OCOP*).

c) Thực hiện

- Chủ thể có sản phẩm tham gia đánh giá chuẩn bị hồ sơ;

- UBND xã thực hiện nội dung được phân công theo Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 và Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 06/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể: (1) Tổ chức đánh giá một số nội dung của Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP, bao gồm các tiêu chí sau: nguồn gốc sản phẩm/nguyên liệu địa phương; sử dụng lao động địa phương; nguồn gốc ý tưởng sản phẩm; bản sắc/trí tuệ địa phương; căn cứ vào điều kiện và đặc điểm thực tế của địa phương, Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức họp với các bộ phận liên quan để lấy ý kiến về các nội dung đánh giá, sau đó ban hành Báo cáo đánh giá của UBND cấp xã về các tiêu chí trên; (2) Tiếp nhận, kiểm tra thể thức

hồ sơ do các chủ thể đăng ký và có văn bản đề nghị UBND cấp tỉnh đánh giá, phân hạng các sản phẩm trên địa bàn xã”.

## **II. HỒ SƠ SẢN PHẨM THAM GIA ĐÁNH GIÁ NÂNG HẠNG HOẶC ĐÁNH GIÁ CÔNG NHẬN LẠI**

### **1. Hồ sơ sản phẩm đánh giá nâng hạng**

a) Thành phần hồ sơ: Căn cứ kết quả phát triển sản phẩm, chủ thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

b) Hình thức, thực hiện: Trình tự, thủ tục đánh giá, nâng hạng thực hiện theo quy định về đánh giá, phân hạng sản phẩm (theo Hướng dẫn tại Mục I).

### **2. Hồ sơ sản phẩm đánh giá công nhận lại**

a) Thành phần hồ sơ

- Phiếu đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP (*Phụ lục 1*).

- Báo cáo của chủ thể đánh giá về sản phẩm theo Bộ tiêu chí tại Phụ lục 02 (rà soát, cập nhật những nội dung mới, đánh giá kết quả sau 03 năm được công nhận OCOP: về nguyên liệu, thị trường, công bố chất lượng, ...).

- Biên bản kiểm tra thực tế tại cơ sở về việc duy trì, phát triển sản phẩm OCOP; phát triển nguyên liệu, liên kết, chất lượng và chấp hành các quy định hiện hành của Chương trình (nếu cần thiết).

b) Hình thức thực hiện: Trình tự, thủ tục đánh giá, phân hạng lại sản phẩm OCOP thực hiện theo quy định về đánh giá, phân hạng sản phẩm (*theo Hướng dẫn tại Mục I*).

## **III. HƯỚNG DẪN LẬP HỒ SƠ MINH CHỨNG SẢN PHẨM THAM GIA ĐÁNH GIÁ OCOP**

1. Các chủ thể, cán bộ quản lý OCOP các cấp căn cứ vào Danh mục phân loại sản phẩm tham gia Chương trình OCOP xác định Bộ tiêu chí sản phẩm để đánh giá sản phẩm (*Phụ lục 5*);

2. Hướng dẫn lập hồ sơ minh chứng để thực hiện đánh giá (*Phụ lục 6*).

3. Về yêu cầu tối thiểu phải đạt các cấp độ sao (\*), đề nghị thực hiện như sau:

- Mỗi một “nội dung yêu cầu tối thiểu phải đạt” đều tương đương với số điểm đánh giá; do đó, sử dụng điểm trung bình của các thành viên Hội đồng để đánh giá tiêu chí đó có đạt yêu cầu tối thiểu hay không.

- Sản phẩm được đánh giá, công nhận đạt sao, phải đảm bảo yêu cầu 100% tiêu chí đạt yêu cầu tối thiểu ở cấp độ sao tương ứng.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. UBND các xã, phường chỉ đạo phòng chuyên môn:

- Phối hợp với các ban ngành, đoàn thể tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đề xuất hồ sơ hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm;

- Chủ động theo dõi, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện chương trình OCOP trên địa bàn quản lý;

- Tổ chức thẩm định các hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với các nội dung được phân cấp;

- Lập danh sách đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 01 tháng 10 năm trước năm thực hiện.

- Chậm nhất 30 ngày trước ngày hết hạn công nhận sản phẩm OCOP, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho các chủ thể OCOP về thời hạn của giấy chứng nhận để lập hồ sơ đánh giá lại.

2. Trong quá trình lập hồ sơ sản phẩm tham đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP, trường hợp gặp khó khăn, vướng mắc đối với chỉ tiêu, tiêu chí của sản phẩm, nhóm sản phẩm thì đề nghị đơn vị, địa phương gửi văn bản đến sở, ngành phụ trách để được hướng dẫn cụ thể (đồng thời gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi tổng hợp).

3. Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn số 2032/HĐĐG ngày 20/5/2020 và Văn bản số 4313/SNN-PTNT&QLCL ngày 16/10/2020 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Trên đây là hướng dẫn lập hồ sơ sản phẩm tham gia đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP của Sở Nông nghiệp và Môi trường./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Bà Nguyễn Thị Hoàng – PCT UBND tỉnh
  - Chủ tịch Hội đồng OCOOP (báo cáo);
- Các thành viên Hội đồng OCOP cấp tỉnh;
- Các sở, ngành liên quan;
- Thành viên Tổ tư vấn giúp việc Hội đồng OCOP cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Các chi cục: PTNT, CN&TS, KL;
- Trung tâm DVNN tỉnh
- Lưu: VT, PTNT-Tâm.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Thắng**

**Phụ lục I**

(Kèm theo Hướng dẫn số: /HD-SoNNMT ngày tháng 8 năm 2025 của Sở  
Nông nghiệp và Môi trường)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ**

**Tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình OCOP của  
tỉnh..... năm.....**

(Dành cho chủ thể)

1. Thông tin về đơn vị đăng ký (theo Giấy phép đăng ký kinh doanh)

- Tên đơn vị: .....
- Họ tên người đại diện pháp lý: .....
- Chức vụ: .....
- Địa chỉ liên hệ: .....
- Điện thoại: .....Email: .....
- Website: .....

2. Tên sản phẩm: .....

(Theo tên sản phẩm trên bao bì, các giấy chứng nhận, hồ sơ công bố, Phiếu  
kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP)

3. Nhóm sản phẩm đăng ký (Ngành, Nhóm, Phân nhóm<sup>1</sup>): .....

(Ví dụ: Ngành Thực phẩm, Nhóm Thực phẩm chế biến, Phân nhóm Chế  
biến từ rau, củ, quả)

4. Lần đăng ký đánh giá: Lần đầu  Nâng hạng:  Đánh giá lại:

5. Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo đánh giá về sản phẩm theo Bộ tiêu chí (bản gốc, bản điện tử)
- Sản phẩm mẫu (số lượng): .....

Cam đoan những thông tin trong Phiếu đăng ký là đúng sự thật, chúng tôi  
xin cam kết tuân thủ các quy định của Chương trình OCOP về đánh giá, phân  
hạng sản phẩm OCOP, chịu trách nhiệm trước Hội đồng và pháp luật về Hồ sơ  
đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm.

... ngày... tháng ... năm ...

**ĐẠI DIỆN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ  
DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH OCOP CẤP XÃ**

Phiếu số:..... - ...../PĐK- (Mã tỉnh) - (Mã xã) - (Năm)

Ngày nhận: .....

Người tiếp nhận:..... Chữ ký: .....

**Cơ quan tiếp nhận**

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

**DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH OCOP CẤP  
TỈNH**

Phiếu số: .....-..... /PĐK- (Mã tỉnh) - (Mã xã) - (Năm)

Ngày nhận: .....

Người tiếp nhận:..... Chữ ký: .....

**Cơ quan tiếp nhận**

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

**Phụ lục II**

(Kèm theo Hướng dẫn số: /HD-SoNNMT ngày tháng 8 năm 2025 của  
Sở Nông nghiệp và Môi trường)

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ SẢN PHẨM**  
(Dành cho chủ thể có sản phẩm đăng ký)

**Phần I**  
**THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên chủ thể: .....
  2. Loại hình tổ chức: .....
  3. Địa chỉ: .....
  4. Điện thoại:..... Email:
  5. Tên người đại diện pháp luật:
    - Họ tên: .....
    - Giới tính:..... (Nam/nữ); Dân tộc:
    - Địa chỉ thường trú: .....
  6. Ngày thành lập/đăng ký kinh doanh:..... Số giấy  
đăng ký (nếu có): .....
  7. Tên sản phẩm/dịch vụ, mô tả về quy cách sản phẩm, tiêu chuẩn:  
.....
- Đánh dấu (✓) vào mục tương ứng:
- a) Giấy đăng ký kinh doanh:
  - b) Đã công bố chất lượng cơ sở:
  - c) Đã có các điều kiện sản xuất theo quy định:
    - Giấy đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật cho sản xuất sản phẩm:
    - Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất bắt buộc theo quy định cho sản phẩm (đối với các sản phẩm bắt buộc theo quy định):
  - d) Đã có đăng ký sở hữu trí tuệ: 
    - Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu:
    - Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận:
    - Giấy chứng nhận đăng ký kiểu dáng công nghiệp:

- Khác (ghi rõ):..... □

8. Lịch sử hình thành của chủ thể (nêu các giai đoạn hình thành và phát triển):.....

.....

9. Cơ cấu tổ chức của chủ thể: (cần thể hiện rõ sơ đồ tổ chức, mô tả chức năng, nhiệm vụ các bộ phận,...)

.....

## Phần II

### KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH

Đánh giá kết quả triển khai phương án sản xuất, kinh doanh của chủ thể theo Phương án sản xuất, kinh doanh khi đăng ký tham gia Chương trình OCOP theo các nội dung cơ bản sau: *(các mẫu biểu chỉ mang tính chất tham khảo, có thể thay đổi tùy theo thực tế sản xuất các chủ thể)*

1. Trình bày sơ lược Phương án sản xuất kinh doanh của đơn vị;

2. Đánh giá kết quả thực hiện:

a. Tổ chức vùng nguyên liệu (ví dụ)

TT	Tên nguyên liệu	Hình thức liên kết	Quy mô	Tiêu chuẩn áp dụng	Thời gian thực hiện

b. Sơ chế (ví dụ)

TT	Tên sản phẩm	Quy mô	Tiêu chuẩn áp dụng	Công nghệ áp dụng	Thời gian thực hiện
	Hạt điều	6 tấn	Hạt điều nguyên vẹn, không vỡ vụn; không ẩm mốc	Công nghệ bóc tách hạt	Cả năm
	Hạt ca cao	12 tấn	màu sắc đồng đều	Thủ công	Cả năm

c. Chế biến (Ví dụ)

TT	Tên sản phẩm	Quy mô	Tiêu chuẩn áp dụng	Công nghệ áp dụng	Quy cách đóng gói	Thời gian thực hiện
	Hạt điều	5 tấn	Giòn, còn giữ	Công nghệ	500	Cả năm

			vị tự nhiên	sấy	gr/hộp	
	Bột ca cao	1.000 hủ	Bột mịn, không có mù lạ	Công nghệ sấy	500 gr/hủ	Cả năm

d. Bảng thuyết minh quy trình sản xuất, máy móc, công nghệ áp dụng trong sơ chế, sản xuất, đóng gói, bảo quản... (kèm theo sơ đồ minh hoạt, hình ảnh máy móc, công nghệ áp dụng)

đ. Bao bì, nhãn mác: đánh giá nhanh sự phát triển bao bì sản phẩm qua các năm (nếu có); mô tả sự tiện lợi, sang trọng; đặc biệt đánh giá sự thân thiện của bao bì với môi trường (nếu có).

e. Thị trường phân phối sản phẩm (kèm theo bảng liệt kê những đại lý, điểm bán lẻ mà chủ thể liên kết tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước).

TT	Tên đại lý/Điểm bán lẻ	Số lượng cung ứng (ĐVT:.....sản phẩm/tuần/tháng/năm)	Ghi chú
	Bán hàng tại chỗ (Diện tích:.....m <sup>2</sup> )		
	Các đại lý trong tỉnh		
	.....		
	Các đại lý ngoài tỉnh		
	.....		
	Các sàn TMĐT/mạng xã hội		
	.....		

c. Kết quả sản xuất, kinh doanh:

- Tổng doanh thu trong 02 liên kê:.....đồng.

+ Ví dụ:

Năm	Sản phẩm, dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Giá (đồng/đơn vị)	Thành tiền
<b>A</b>	<b>Sản phẩm</b>				
Năm 202..	Hạt điều rang muối				
Năm 202...	Bột ca cao				
<b>B</b>	<b>Sản phẩm du lịch</b>				

Năm 202..	Khách du lịch trải nghiệm	Lượt người	1.000	50.000	50.000.000
Năm 202	Khách du lịch trải nghiệm	Lượt người	1.500	50.000	75.000.000

- Tổng lợi nhuận trong 02 liên kê:.....đồng.

+ Ví dụ:

TT	Nội dung	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	<b>Năm .....</b>		
	Tổng doanh thu		
	Tổng chi phí		
	<i>Lợi nhuận</i>		<i>Ghi rõ Lợi nhuận sau thuế (nếu có)</i>
	<b>Năm .....</b>		
	Tổng doanh thu		
	Tổng chi phí		
	<i>Lợi nhuận</i>		<i>Ghi rõ Lợi nhuận sau thuế (nếu có)</i>
	<b>TỔNG:</b>		

### Phần III

#### ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN THEO BỘ TIÊU CHÍ SẢN PHẨM OCOP

- Căn cứ vào Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP tương ứng với sản phẩm đăng ký, chủ thể tự đánh giá về kết quả (điểm số) có thể đạt theo thứ tự từng tiêu chí. Mô tả, chứng minh về kết quả tương ứng (mô tả, tài liệu minh chứng cho nội dung mô tả).

- *Ví dụ:* Sản phẩm “Hạt điều rang muối”, tương ứng Bộ sản phẩm 7.Chế biến từ rau, củ, quả, hạt. Chủ thể tự đánh giá điểm đạt của mình, kèm theo minh chứng như sau:

Các tiêu chí	Thang điểm (Điểm)	Chủ thể đánh giá	Minh chứng
--------------	-------------------	------------------	------------

<b>Phần A</b> <b>SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH</b> <b>CỦA CỘNG ĐỒNG (40 Điểm)</b>	<b>40</b>		
<b>1. TỔ CHỨC SẢN XUẤT</b>	<b>18</b>		
<b>a) Nguồn nguyên liệu</b>	<b>5</b>		
<input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh dưới 50%***	1		
<input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 50% đến dưới 75%	3		
<input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 75% đến 100%	5	5	Hợp đồng mua sen với HTX A tại xã B với 10 tấn hạt điều tươi/năm
<i>Ghi chú: Bị loại nếu sử dụng toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu hoặc không rõ nguồn gốc</i>			
.....			

## **Phần IV**

### **KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH**

#### **I. KHẢ NĂNG THAM GIA THỊ TRƯỜNG**

##### **1. Tổng quan và đánh giá khả năng tham gia thị trường**

*(Xu hướng, triển vọng nhu cầu, những rào cản đối với gia nhập thị trường và tăng trưởng, ảnh hưởng của đổi mới và công nghệ, tác động của nền kinh tế, chính phủ và tiềm năng tài chính của ngành)*

.....

.....

##### **2. Pháp lý về sản xuất, kinh doanh**

*Các thủ tục pháp lý theo quy định hiện hành (Đăng ký kinh doanh, an toàn thực phẩm, môi trường, phòng cháy chữa cháy, ...)*

- Giấy đăng ký kinh doanh số: ; Ngày cấp: ; Nơi cấp: .....

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số: ; Ngày cấp: ; Nơi cấp: .....

- Giấy phép môi trường số: ; Ngày cấp: ; Nơi cấp: .....

.....

- Bản tự công bố/bản công bố số: .....

##### **3. Sản phẩm và dịch vụ**

3.1. Sản phẩm cốt lõi *(Giá trị cốt lõi là những công năng, lợi ích mà sản phẩm đó đem lại cho người mua)*

.....

.....

.....

3.2. Sản phẩm vật lý

- Nguyên liệu:.....
- Công nghệ sản xuất:.....
- Chất lượng:.....
- Thiết kế: .....
- Bao bì:.....
- Thương hiệu:.....

**3.3. Sản phẩm gia tăng**

- Tư vấn, chăm sóc khách hàng:.....
- Giao hàng:.....
- Chương trình khuyến mãi: .....
- Bảo hành/đổi trả hàng: .....

**II. PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT, KINH DOANH**

**1. Phân tích SWOT (Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức)**

**1.1. Điểm mạnh (yếu tố bên trong)**

.....  
 .....

**1.2. Điểm yếu (yếu tố bên trong)**

.....  
 .....

**1.3. Cơ hội (yếu tố bên ngoài)**

.....  
 .....

**1.4. Thách thức (yếu tố bên ngoài)**

.....  
 .....

**2. Phân tích cạnh tranh**

*Ghi chú: Gợi ý đánh giá cạnh tranh dựa các yếu tố: Nguyên liệu, công nghệ, chất lượng, bao bì, giá bán, hậu mãi, dịch vụ bán hàng, thị trường, kênh bán hàng*

**Đánh giá mức độ cạnh tranh của sản phẩm:**

TT	Sản phẩm tương tự	Mức độ cạnh tranh		
		Trên cạnh tranh	Cạnh tranh	Dưới cạnh tranh
1	Sản phẩm A	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Sản phẩm B	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Sản phẩm C	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**3. Mục tiêu**

*(Các mục tiêu ban đầu và mục tiêu doanh nghiệp hướng đến trong tương lai?)*

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Năm thứ nhất</b>	<b>Năm thứ hai</b>	<b>Năm thứ ba</b>
<b>1</b>	<b>Tài chính</b>			
1.1	Doanh thu			
1.2	Lợi nhuận			
<b>2</b>	<b>Thị trường &amp; Khách hàng</b>			
2.1	Thị trường phân phối			
2.2	Số lượng khách hàng			
2.3	Kênh phân phối			
<b>3</b>	<b>Nội bộ</b>			
3.1	Số lượng lao động			
3.2	Thu nhập bình quân/lao động			
3.3	Phát triển sản xuất (vùng nguyên liệu, nhà xưởng, công nghệ, sản lượng, tiêu chuẩn áp dụng,...)			
<b>4</b>	<b>Học hỏi &amp; Công nghệ</b>			
4.1	Số lao động được đào tạo			
4.2	Áp dụng công nghệ trong quản trị, vận hành			

#### **4. Hoạt động sản xuất, kinh doanh**

##### **4.1. Nguyên liệu**

##### **a) Yêu cầu nguyên liệu đầu vào đáp ứng nhu cầu kinh doanh**

<b>Loại nguyên liệu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Sản lượng</b>		
		<b>Năm thứ nhất</b>	<b>Năm thứ hai</b>	<b>Năm thứ ba</b>

Loại nguyên liệu	Đơn vị tính	Sản lượng		
		Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba

**b) Tỷ lệ nguyên liệu**

+ Tự chủ (từ vùng trồng của cơ sở, liên kết):..... (%)

+ Không tự chủ (mua ngoài):..... (%)

**c) Tiêu chuẩn về chất lượng nguyên liệu (ví dụ Vietgap, hữu cơ...)**

.....

**5. Kế hoạch marketing và bán hàng**

**5.1. Chính sách giá**

*(Bạn phát triển chính sách giá của mình như thế nào? Chiến lược giá nào sau đây có thể phù hợp nhất với doanh nghiệp của bạn? Chi phí bán lẻ và định giá, khả năng cạnh tranh?)*

TT	Khách hàng	Giá bán (vnd)	Mức chiết khấu (%)	Ghi chú
1	Khách bán lẻ	100.000	0%	Mua lẻ < 5 sản phẩm/năm
2	Khách bán buôn			
	Cấp 1	60.000	40%	>500 sản phẩm/năm
	Cấp 2	70.000	30%	300-499 sản phẩm/năm
	Cấp 3	80.000	20%	<299 sản phẩm/năm

**5.2. Quảng cáo và khuyến mãi**

*(Bạn dự định quảng cáo doanh nghiệp mình như thế nào?)*

*Những hình thức quảng cáo và khuyến mãi nào dưới đây mang đến cho bạn cơ hội tốt nhất để phát triển thành công việc kinh doanh của bạn?*

TT	Hình thức quảng cáo - Khuyến mãi	Ngân sách dự kiến	Thời gian triển khai
1	Sàn thương mại điện tử, mạng xã hội		

2	Phương tiện truyền thông (báo, tạp chí, truyền hình, phát thanh)		
3	Xúc tiến thương mại (Hội chợ, hội thảo, sự kiện)		
4	Khác (biên bản, điện thoại, email...)		

### III. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

#### 1. Nhu cầu vốn

Tổng nhu cầu vốn của doanh nghiệp/hợp tác xã/tổ hợp tác/hộ: .....đồng

Chỉ tiêu	Nhu cầu vốn
<b>1. Tiền mặt Thu vào (1)</b>	
Vốn góp	
Vốn vay	
<b>2. Tiền mặt Chi ra (2)</b>	
Chi phí cố định ban đầu (nhà xưởng, máy móc...)	
Chi phí nguyên vật liệu (nguyên liệu, bao bì...)	
Chi phí thuê nhân công	
Chi phí bán hàng	
Chi khác (SHTT, kiểm nghiệm, điện, nước...)	
<b>Số dư Cuối kỳ (1) – (2)</b>	

#### 2. Kết quả hoạt động kinh doanh hiện tại và dự kiến

Chỉ tiêu	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
<b>Thu nhập (1)</b>			
Doanh thu bán hàng			
Doanh thu khác			
<b>Chi phí (2)</b>			
Khấu hao tài sản			
Nguyên vật liệu			
Thuê nhân công			
Chi phí bán hàng			
Lãi vốn vay			
Chi khác			
<b>Lãi/Lỗ Ròng (1) - (2)</b>			

#### 3. Đề xuất hỗ trợ

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Thành tiền	Nguồn vốn

					NSNN	Đối ứng
1						
2						
3						

#### **IV. KẾT LUẬN**

Phương án/kế hoạch kinh doanh này mang đến cơ hội với tiềm năng tăng trưởng bền vững và lợi nhuận hấp dẫn. Với những nền tảng hiện có của Cơ sở, chúng tôi tự tin rằng dự án sẽ tạo ra giá trị lớn cho các bên liên quan.

*...ngày ... tháng .... năm...*

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
CƠ SỞ**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Phụ lục III**

(Kèm theo Hướng dẫn số: /HD-SoNNMT ngày tháng 8 năm 2025 của  
Sở Nông nghiệp và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO**

Về việc đánh giá một số nội dung của Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia  
đánh giá sản phẩm OCOP

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ**

1. Tên chủ thể: .....
2. Loại hình tổ chức: .....
3. Địa chỉ: .....
4. Điện thoại:..... Email: .....
5. Tên người đại diện pháp luật:
  - Họ tên: .....
  - Giới tính:..... (Nam/nữ); Dân tộc: .....
  - Địa chỉ thường trú: .....
6. Sản phẩm đăng ký đánh giá: .....

**II. ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA HỒ SƠ ĐĂNG KÝ****1. Về sử dụng nguyên liệu địa phương**

TT	Tên nguyên liệu	Nguồn gốc nguyên liệu	Tỷ lệ

Qua đánh giá cơ sở và hồ sơ kèm theo, sản phẩm có ... % nguyên liệu địa phương.

**2. Về sử dụng lao động địa phương**

- Cơ sở có tổng ... thành viên tham gia góp vốn, trong đó ...% cổ phần vốn góp là của cộng đồng địa phương.

- Cơ sở có tổng ... lao động, trong đó có .../... (chiếm ...%) lao động là người trong tỉnh.

(Chi tiết đính kèm tại phụ lục)

### **3. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm**

(Nhận xét về nguồn gốc sản phẩm (truyền thống, sản phẩm mới) của chủ thể dựa trên thực tế của địa phương).

### **4. Bản sắc/trí tuệ địa phương**

- Sản phẩm được hình thành dựa trên con người, nguyên liệu địa phương, mang nét đặc trưng về bản sắc, văn hoá của địa phương.

- Câu chuyện sản phẩm của cơ sở thể hiện các yếu tố bản sắc của địa phương, được viết ngắn gọn và trình bày hợp lý.

Ủy ban nhân dân xã .... đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh.... đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cho sản phẩm ... của ...

Ủy ban nhân dân xã.... đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh.... đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cho sản phẩm.... của .....

**TM. UBND XÃ....**

*(Ký tên và đóng dấu)*

**Phụ lục IV**

(Kèm theo Hướng dẫn số: /HD-SoNNMT ngày tháng 8 năm 2025 của Sở  
Nông nghiệp và Môi trường)

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ..../UBND-....

....., ngày ... tháng ..... năm 20...

V/v đề nghị đánh giá, phân  
hạng sản phẩm OCOP

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường

Căn cứ Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 2 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP);

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 06/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm

Căn cứ các biên bản họp của UBND xã về đánh giá sản phẩm OCOP xã.....

Ủy ban nhân dân xã ..... kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét tổ chức đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP năm.....của xã ....., cụ thể như sau:

1. Số lượng sản phẩm đánh giá (50-100 Điểm và đáp ứng các tiêu chí sản phẩm đạt 3-5 sao OCOP): .....sản phẩm, thuộc .....chủ thể, cụ thể như sau:

- Sản phẩm đánh giá lại sau 03 năm công nhận:.....sản phẩm;
- Sản phẩm đánh giá nâng hạng:.....sản phẩm.
- Sản phẩm mới:.....sản phẩm.

(Danh sách đính kèm)

**2. Hồ sơ kèm theo:**

- Báo cáo thẩm định một số tiêu chí do UBND xã đánh giá theo quy định tại Quyết định 1489/QĐ-TTg ngày 06/7/2025;
- Biên bản đánh giá của UBND xã
- Hồ sơ tham gia đánh giá sản phẩm;
- Mẫu sản phẩm tham gia đánh giá: ...đơn vị sản phẩm/sản phẩm.

Kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm./.

***Nơi nhận:***

**ỦY BAN NHÂN DÂN**

**Phụ lục V****Danh mục Phân loại sản phẩm tham gia Chương trình OCOP**

(Kèm theo Hướng dẫn số: /HD-SoNNMT ngày tháng 8 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Phân loại sản phẩm	Cơ quan chủ trì quản lý <sup>1</sup>	Bộ tiêu chí đánh giá
<b>I</b>	<b>SẢN PHẨM THỰC PHẨM</b>		
<b>1</b>	<b>Nhóm: Thực phẩm tươi sống</b>		
a	Phân nhóm: Rau, củ, quả, hạt tươi	Nông nghiệp và Môi trường	1
b	Phân nhóm: Thịt, thủy sản, trứng, sữa tươi	Nông nghiệp và Môi trường	2
<b>2</b>	<b>Nhóm: Thực phẩm thô, sơ chế</b>		
a	Phân nhóm: Gạo, ngũ cốc, hạt sơ chế khác	Nông nghiệp và Môi trường	3
b	Phân nhóm: Mật ong, mật khác và nông sản thực phẩm khác	Nông nghiệp và Môi trường	4
<b>3</b>	<b>Nhóm: Thực phẩm chế biến</b>		
a	Phân nhóm: Đồ ăn nhanh	Công Thương	5
b	Phân nhóm: Chế biến từ gạo, ngũ cốc	Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương	6
c	Phân nhóm: Chế biến từ rau, củ, quả, hạt	Nông nghiệp và Môi trường	7
d	Phân nhóm: Chế biến từ thịt, trứng, sữa, thủy sản, các sản phẩm từ mật ong, mật khác và nông sản thực phẩm khác	Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương	8
<b>4</b>	<b>Nhóm: Gia vị</b>		
a	Phân nhóm: Tương, nước mắm, gia vị dạng lỏng khác	Nông nghiệp và Môi trường	9
b	Phân nhóm: Gia vị khác	Nông nghiệp và Môi trường	10
<b>5</b>	<b>Nhóm: Chè</b>		
a	Phân nhóm: Chè tươi, chế biến	Nông nghiệp và Môi trường	11
b	Phân nhóm: Sản phẩm trà từ thực vật khác	Nông nghiệp và Môi trường	12
<b>6</b>	<b>Nhóm: Cà phê, Ca cao</b>		
		Nông nghiệp và Môi trường	<b>13</b>
<b>II</b>	<b>SẢN PHẨM ĐỒ UỐNG</b>		
<b>1</b>	<b>Nhóm: Đồ uống có cồn</b>		
a	Phân nhóm: Rượu trắng	Công Thương	14
b	Phân nhóm: Đồ uống có cồn khác	Công Thương	15

<b>2</b>	<b>Nhóm: Đồ uống không cồn</b>		
a	Phân nhóm: Nước khoáng thiên nhiên, nước uống tinh khiết	Y tế	16
b	Phân nhóm: Đồ uống không cồn	Công Thương	17
<b>III</b>	<b>SẢN PHẨM DƯỢC LIỆU VÀ SẢN PHẨM TỪ DƯỢC LIỆU</b>		
1	Nhóm: Thực phẩm chức năng, thuốc dược liệu, thuốc Y học cổ truyền	Y tế	18
2	Nhóm: Mỹ phẩm có thành phần từ thảo dược	Y tế	19
3	Nhóm: Tinh dầu và thảo dược khác	Y tế	20
<b>IV</b>	<b>SẢN PHẨM THỦ CÔNG MỸ NGHỆ</b>		
1	Nhóm: Thủ công mỹ nghệ gia dụng, trang trí	Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường	21
2	Nhóm: Vải, may mặc	Công Thương	22
<b>V</b>	<b>SẢN PHẨM SINH VẬT CẢNH</b>		
1	Nhóm: Hoa	Nông nghiệp và Môi trường	23
2	Nhóm: Cây cảnh	Nông nghiệp và Môi trường	24
3	Nhóm: Động vật cảnh	Nông nghiệp và Môi trường	25
<b>VI</b>	<b>SẢN PHẨM DỊCH VỤ DU LỊCH CỘNG ĐỒNG, DU LỊCH SINH THÁI VÀ ĐIỂM DU LỊCH</b>		
1	Nhóm: Dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch	Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Môi trường	26

**Phụ lục VI.****HƯỚNG DẪN LẬP HỒ SƠ MINH CHỨNG THEO  
TIÊU CHÍ SẢN PHẨM OCOP**

(Kèm theo Hướng dẫn số: /HD-SoNNMT ngày tháng 8 năm 2025 của Sở  
Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tiêu chí	Hồ sơ minh chứng
1	Đánh giá nguồn nguyên liệu sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản phẩm từ thực vật:</li> <li>+ Mua trực tiếp nông dân: Hợp đồng, bản cam kết, biên nhận.</li> <li>+ Mua của HTX, Cơ sở, Công ty: hóa đơn, hợp đồng, thanh lý hợp đồng (Các nơi này phải có giấy chứng nhận cơ sở điều kiện ATTP).</li> <li>+ Nếu cơ sở cung cấp nguyên liệu cho chủ thể chỉ là vừa thu gom cần có bản cam kết của vừa và cung cấp thông tin của người bán cho cơ sở, địa chỉ, SDT để biết nơi cung ứng. Mọi số lượng nguyên liệu mua vào phải được theo dõi thông qua hóa đơn, biên nhận.</li> <li>- Sản phẩm từ động vật cung cấp hợp đồng, hoá đơn của từng đợt nhập hàng;</li> <li>- Các cơ sở cung cấp nguyên liệu không nằm trong diện cấp giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP thì sẽ thực hiện Bảng cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm NLTS an toàn (mẫu liên hệ UBND cấp xã).</li> <li>- Đánh giá nguồn nguyên liệu sản phẩm cho những sản phẩm thuộc các làng nghề, làng nghề truyền thống, sản phẩm đã có lâu đời tại tỉnh nhưng có nguồn nguyên liệu chủ yếu ở ngoài tỉnh: cần xem xét lại tính đặc trưng của sản phẩm về giá trị văn hóa, nguyên vật liệu trong toàn bộ quy trình, kỹ thuật sản xuất truyền thống tại địa phương để đánh giá tỷ lệ nguồn gốc sản phẩm.</li> <li>- Báo cáo đánh giá hồ sơ của UBND cấp xã;</li> </ul>
2	Đánh giá về tiêu chí giá trị gia tăng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng thuyết minh quy trình sản xuất, máy móc, công nghệ áp dụng trong sơ chế, sản xuất, đóng gói, bảo quản... (kèm theo sơ đồ minh họa, hình ảnh máy móc, công nghệ áp dụng) tại Phụ lục 2;</li> <li>- Chế biến đơn giản: Sản phẩm sau khi thu hoạch được sơ chế (tách vỏ, hạt, rửa sạch, làm sạch sản phẩm trong quá trình chế biến) bán ra thị trường, không sử dụng máy móc, làm thủ công;</li> <li>- Chế biến: Sản phẩm sau khi thu hoạch qua sơ chế, chế biến thủ công và một phần sử dụng máy móc, trong quá trình sơ chế, chế biến;</li> <li>- Chế biến sâu (tạo ra sản phẩm chất lượng cao hơn): Quy trình sản xuất, chế biến sản phẩm có áp dụng công nghệ hiện đại.</li> </ul>
3	Năng lực sản xuất đáp ứng yêu cầu	Báo cáo tài chính/Báo cáo thuế/các giấy tờ minh chứng khác có liên

TT	Tiêu chí	Hồ sơ minh chứng
	phân phối	quan đến doanh thu, xuất khẩu
4	Liên kết sản xuất/Liên kết chuỗi trong sản xuất	Hợp đồng, thanh lý Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm; Bảng thuyết minh số lượng sản phẩm bình quân/năm; Số đại lý/đơn vị phân phối; số lượng sản phẩm cung cấp cho từng đại lý/đơn vị/năm.
5	Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất	Có Giấy phép môi trường hoặc hồ sơ tương đương; Danh mục công trình bảo vệ môi trường; Công trình xử lý chất thải: công suất; công nghệ; hợp đồng xử lý; biện pháp xử lý. Hình ảnh công trình xử lý chất thải; hồ sơ minh chứng về sử dụng bao gói thân thiện môi trường (bao gói hiện trạng sử dụng trên sản phẩm so với sản phẩm cùng loại của đơn vị khác; bao gói trước và sau khi triển khai sử dụng bao gói thân thiện môi trường). (thực hiện theo Văn bản số 454/BTNMT-KSONMT ngày 20/01/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
6	Sử dụng công nghệ theo hướng bền vững trong sản xuất	Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng lắp đặt hệ thống sử dụng năng lượng, công nghệ thân thiện bền vững trong sản xuất hoặc các hồ sơ khác minh chứng có liên quan đến sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường (kèm theo hình ảnh minh chứng)
7	Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm	Tham chiếu nội dung triển khai phương án sản xuất kinh doanh của chủ thể tại Phụ lục 02 (xét tiêu chuẩn nguyên liệu, sản phẩm, công nghệ áp dụng...) để đánh giá sự nổi trội của sản phẩm; Chủ thể thuyết trình
8	Phong cách, ghi nhãn hàng hóa	Nội dung ghi nhãn hàng hoá theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 và Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 9/12/2021; Giấy chứng nhận mã vạch (nếu có); Giấy chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu (nếu có); bao bì thiết kế đặc trưng, phù hợp với sản phẩm; tem truy xuất nguồn gốc điện tử (nếu có).
9	Loại hình tổ chức sản xuất - kinh doanh	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; - Đối với Công ty cổ phần minh chứng bằng giấy chứng nhận góp vốn và bản sao CCCD chứng minh là người địa phương dưới 51%.
10	Sử dụng lao động địa phương	Hợp đồng lao động hoặc danh sách lao động có xác nhận của địa phương
11	Tăng trưởng sản xuất kinh doanh	Quyết định kết quả phân loại HTX; Báo cáo lợi nhuận 02 năm liền kề
12	Kế toán	Sơ đồ tổ chức bộ phận, dựa trên danh sách trả lương (chức danh) hoặc hợp đồng và bằng cấp (Trường hợp tự kê khai thuế phải có bằng kế toán); báo cáo tài chính, hoá đơn đỏ

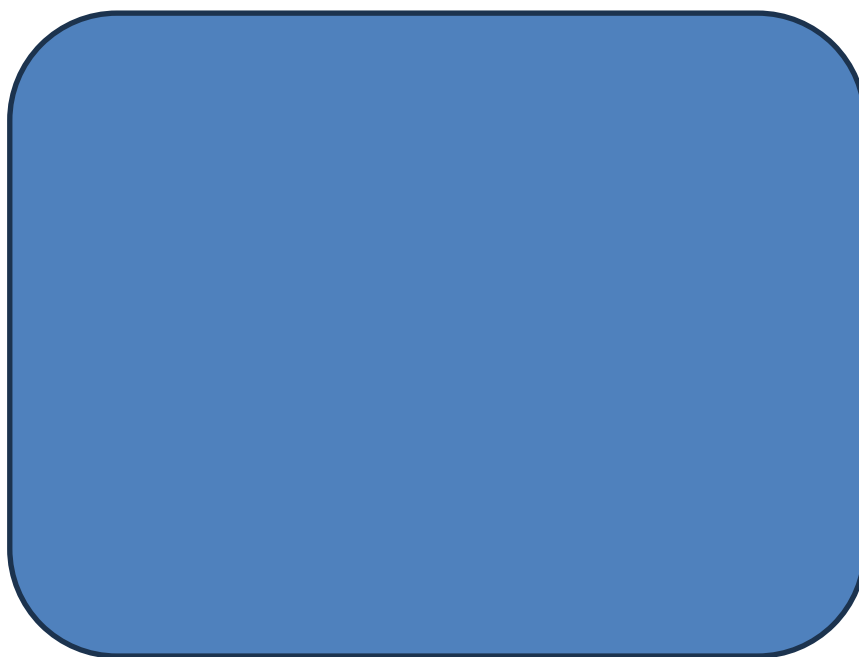
TT	Tiêu chí	Hồ sơ minh chứng
13	Sở hữu trí tuệ	Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận (nếu có);
14	Khu vực phân phối chính	Hợp đồng đại lý/Hợp đồng phân phối tên địa chỉ hoặc hóa đơn bán hàng
15	Tổ chức phân phối	Hợp đồng đại lý/Hợp đồng phân phối tên địa chỉ hoặc hóa đơn bán hàng; Ứng dụng công nghệ phần mềm trong quản lý sản phẩm, có bán trên các trang mạng điện tử (hồ sơ hoặc hình ảnh minh chứng) (nếu có); Sơ đồ tổ chức có bộ phận, phòng ban phòng quản lý phân phối phải có hợp đồng làm việc (nếu có)
16	Quảng bá sản phẩm	Hình ảnh tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, bán hàng online, qua trang thương mại điện tử, Website giới thiệu về sản phẩm (đính kèm hình ảnh); Hoặc kế hoạch Xúc tiến thương mại của địa phương, hợp đồng tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại
17	Câu chuyện về sản phẩm	<p>- Xây dựng Câu chuyện sản phẩm trên quan điểm bán hàng (thu hút người tiêu dùng qua câu chuyện);</p> <p>- (1) Tên sản phẩm, (2) Thị trường mục tiêu, (3) Lý do để tin tưởng, (4) Đặc tính sản phẩm, (5) Kênh phân phối thế mạnh của sản phẩm, (6) Yếu tố độc nhất của sản phẩm, (7) Lợi ích sản phẩm và (8) lịch sử sản phẩm (nếu có);</p> <p>- Có câu chuyện sản phẩm được tư liệu hóa, được in ấn trên nhãn bao bì/tờ rơi và đăng trên website (thể hiện bằng các clip, chuyên đề giới thiệu,...) (nếu có)</p>
18	Trí tuệ/bản sắc địa phương	Có câu chuyện sản phẩm, câu chuyện thể hiện ý tưởng riêng của Chủ thể và sản phẩm mang nét đặc trưng của địa phương, lịch sử, con người, văn hóa,...(Chủ thể phải thuyết minh)
19	Cấu trúc câu chuyện	Có câu chuyện sản phẩm, thể hiện đầy đủ các nội dung: (1) Tên sản phẩm, (2) Thị trường mục tiêu, (3) Lý do để tin tưởng, (4) Đặc tính sản phẩm, (5) Kênh phân phối thế mạnh của sản phẩm, (6) Yếu tố độc nhất của sản phẩm, (7) Lợi ích sản phẩm và (8) lịch sử sản phẩm (nếu có).
20	Công bố tiêu chuẩn sản phẩm của cơ sở sản xuất	Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP; Bản tự công bố; Phiếu kiểm nghiệm ATTP
21	Kiểm tra định kỳ các chỉ tiêu ATTP theo quy định	Tuỳ theo loại sản phẩm, ngành chức năng có chỉ tiêu kiểm tra cụ thể
22	Đảm bảo chất lượng sản phẩm	- Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm; Có nhật ký ghi lô sản xuất hoặc ghi lô sản xuất trên truy suất nguồn gốc;

TT	Tiêu chí	Hồ sơ minh chứng
		<p>- Giấy chứng nhận hệ thống quản lý ATTP phù hợp theo tiêu chuẩn HACCP/ISO/GMP....;</p> <p>- Giấy kiểm dịch xuất khẩu kèm theo và tờ khai hàng hóa xuất khẩu kèm theo &amp; xác nhận khối lượng toàn bộ công te-nơ vận chuyển quốc tế hoặc có hợp đồng/hoá đơn xuất khẩu/có giấy xác nhận đủ điều kiện xuất khẩu của đối tác nước ngoài/hợp đồng, thoả thuận khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn đáp ứng trong nước và xuất khẩu hoặc Có Hóa đơn xuất khẩu hoặc danh sách địa chỉ, tên khách hàng xuất khẩu (nếu có).</p>
23	<p>Hướng dẫn sử dụng để đảm bảo sản phẩm có chất lượng tốt nhất cho người tiêu dùng</p>	<p>Nhãn sản phẩm, bản tiêu chuẩn sản phẩm (nếu có) có thể hiện nội dung hướng dẫn sử dụng</p>
24	<p>Cơ hội thị trường toàn cầu</p>	<p>Biên bản ghi nhớ/thỏa thuận hợp tác mua bán sản phẩm thể hiện tiềm năng xuất khẩu/Hình ảnh tham gia hoạt động Xúc tiến thương mại các nước tham gia/minh chứng xuất khẩu sang thị trường đích (không tính trường hợp gia công sản phẩm cho chủ thể khác).</p>



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH....**

**HỒ SƠ SẢN PHẨM  
ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐÁNH GIÁ  
SẢN PHẨM OCOP NĂM 2025**



Tên sản phẩm	
Tên cơ sở	
Địa chỉ	
Số ĐKKD	
Điện thoại	
Email	
Website	
Đại diện	

...., năm 2025